TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2023/HC-PT
Ngày 04 tháng 01 năm 2023

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 400/2021/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12290/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: - Bà Vũ Thị S, sinh năm 1934;

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Thành phố P, tỉnh H, (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Ch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H (Văn bản ủy quyền số 1300/GUQ-UBND ngày 28/5/2021); vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Nguyễn Văn Chuyên, Luật sư Công ty Luật TNHH N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

2. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Dũng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L (Văn bản ủy quyền số 631/GUQ-UBND ngày 31/5/2021); vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thu H, Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh H (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021); vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.4. Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố L (Nay là Chi cục Thuế khu vực PK, tỉnh H).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn V, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực PK (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021); vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.5. Chi cục Thuế thành phố L (Nay là Chi cục Thuế khu vực PK, tỉnh H).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn V, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực PK (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021); vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu Ph, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021); vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Lê Văn L, Công chức địa chính xây dựng – Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng, thành phố L, Hà Nam; vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N trình bày:*

Hộ bà Vũ Thị S đang quản lý sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 (năm 1989), diện tích thực tế đo đạc hiện trạng sử dụng đất hộ bà Sự ngày 25/8/2016 là 114,4m^2 (trong đó công trình xây dựng nhà ở là 91,2m^2; mái lợp pro 23,2m^2) tại địa chỉ Số 61, tổ 6, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bà Vũ Thị S và con gái là chị Trần Thị N: Gia đình bà Sự mua thửa đất của hộ ông bà Nhân ở Bảo Thôn, xã Liêm Chính có diện tích 115m^2, đã sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay không có tranh chấp, hàng năm đều nộp thuế cho Nhà nước với diện tích 115m^2.

Theo đề nghị của bà Sự, ngày 05/4/2013 Tổ công tác của UBND phường Hai Bà Trưng đã tiến hành đo đạc, xác định diện tích đất thực tế hộ bà Sự đang

sử dụng để làm căn cứ kê khai thu thuế đất phi nông nghiệp. Sau khi đo đạc, ngày 18/4/2013, UBND phường Hai Bà Trưng ban hành Thông báo số 14/TB-UBND kết luận hộ bà Sự sử dụng tổng diện tích đất là 113,9m^2, trong đó diện tích nhà (tính cả ô văng) là 95,54m^2, lưu không vỉa hè là 18,36m^2. UBND phường Hai Bà Trưng đã phân tích, vận động gia đình bà Sự kê khai đóng thuế đất phi nông nghiệp theo diện tích 94m^2 là phù hợp với hồ sơ phường đang quản lý nhưng nguyện vọng của gia đình bà Sự xin được kê khai đóng thuế cả phần lưu không là 113,9m^2.

Không nhất trí với Thông báo số 14 nêu trên, bà Sự gửi đơn khiếu nại tới UBND thành phố L với nội dung: Gia đình bà mua thửa đất từ năm 1976 với diện tích 115m^2 đã ở ổn định đến nay không có tranh chấp, nhưng UBND phường Hai Bà Trưng chỉ công nhận 94m^2 là không đúng với biên bản nhận ruộng đất năm 1989 và hiện trạng sử dụng đất của gia đình. Đề nghị cấp GCNQSD đất đủ diện tích 113,9m^2 theo như thông báo nộp thuế mà gia đình đã nộp từ trước đến nay.

Ngày 30/7/2013, Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND V/v giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S đã kết luận: *Việc bà Vũ Thị S đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 113,9m^2 (bao gồm cả phần ô văng và phần lưu không vỉa hè) theo như đóng thuế là không thể giải quyết được. Việc UBND phường Hai Bà Trưng thu thuế sử dụng đất của gia đình bà Vũ Thị S diện tích 113,9m^2 đất có cả phần ô văng và phần lưu không vỉa hè là không đúng với hiện trạng sử dụng đất và hồ sơ địa chính (Theo bản đồ xanh năm 1989 và biên bản nhận ruộng đất năm 1989). Diện tích hợp pháp để thu thuế đối với hộ gia đình bà Vũ Thị S là 94m^2 phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và biên bản giao nhận ruộng và bản đồ năm 1989. Yêu cầu UBND phường Hai Bà Trưng và Chi cục thuế thành phố xem xét giảm hoặc không thu tiền thuế sử dụng đất đai với hộ bà Vũ Thị S trong một số năm để đối trừ phần tiền nộp thuế sử dụng đất mà bà Sự đang sử dụng.*

Không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại số 819 của Chủ tịch UBND thành phố L, bà Sự tiếp tục khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh H. Ngày 30/9/2016, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Sự, kết luận: *Không thừa nhận việc bà Vũ Thị S đòi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà với diện tích 113,9m^2; chỉ công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà với diện tích 94m^2 (diện tích thực tế gia đình bà Sự đã sử dụng trước năm 1993, đã xây dựng công trình phục vụ đời sống và được thể hiện trên bản đồ và sổ mục kê xã Liêm Chính lập năm 1989). Giao UBND thành phố L căn cứ theo sơ đồ giải quyết khiếu nại của hộ bà Vũ Thị S (kèm theo), thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Sự với diện tích 94m^2 đất ở theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013...Giao UBND thành phố L chỉ đạo Chi cục thuế Phủ Lý và UBND phường Hai Bà Trưng xem xét hoàn trả tiền cho bà Sự phần thu thuế nhà đất vượt quá diện tích 94m^2 theo quy định của pháp luật.*

Đối với việc thu, nộp thuế diện tích đất của hộ bà Sự: Thửa đất nêu trên đã được Chi cục Thuế thành phố L cấp mã số thuế 8208585391 ngày 30/8/2012. Từ năm 2009 đến năm 2011, Chi cục Thuế thành phố L quản lý thu thuế hộ bà Sự với diện tích 115m^2; từ năm 2012 đến năm 2017 quản lý thu thuế với diện tích 110m^2 (về số liệu 110m^2, UBND phường xác định do đo bằng thước dây nên có sai số nhất định). Năm 2018, quản lý thu thuế với diện tích 94m^2. Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2012, hộ bà Sự kê khai diện tích đất là 115m^2, UBND phường Hai Bà Trưng xác nhận ngày 02/7/2012 với diện tích tính thuế hộ bà Sự chỉ có 110m^2. Thực hiện Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của hộ bà Sự, Chi cục Thuế thành phố L đã phối hợp với UBND phường Hai Bà Trưng tính lại số thuế phải nộp cho hộ bà Sự theo diện tích đất ở là 94m^2 từ năm 2009 đến 2017 và yêu cầu hộ bà Sự hoàn số tiền thuế nộp thừa hoặc bù trừ số tiền thuế nộp thừa từ năm 2009-2017 vào số thuế phải nộp của các năm tiếp theo. Chi cục thuế thành phố L ban hành văn bản số 77/CCT ngày 18/4/2018 về việc hoàn thuế, bù trừ tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của hộ bà Sự, trong đó ghi rõ số thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đã nộp, số phải nộp từ năm 2009-2017 và số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của hộ bà Sự từ năm 2018. Do vậy, UBND phường Hai Bà Trưng đã ban hành Công văn số 12/UBND ngày 30/4/2018 về việc hoàn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của hộ bà Sự.

Không nhất trí với các văn bản nêu trên, ngày 25/11/2018 bà Sự, chị Nga có đơn yêu cầu Chi cục Thuế thành phố L giao Thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 để hộ bà nộp theo quy định. Ngày 10/12/2018, Chi cục Thuế thành phố ban hành Văn bản số 454/CCT trả lời đơn của bà Sự và đề nghị bà thực hiện đúng nội dung văn bản số 77/CCT nêu trên của Chi cục. Không nhất trí với văn bản số 454, bà Sự, chị Nga đã làm đơn khiếu nại lần đầu đến Chi cục Thuế thành phố L; ngày 18/01/2019 chi Cục Thuế thành phố đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Sự, chị Nga, trong đó giữ nguyên nội dung của Công văn số 454 nêu trên.

Ngày 27/01/2019, bà Sự, chị Nga tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến Cục thuế tỉnh H yêu cầu: Hủy văn bản số 454/CCT ngày 10/12/2018 của Chi cục Thuế thành phố L, buộc Chi cục thuế thành phố phải giao Thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 để hộ bà nộp theo quy định.

Ngày 19/3/2019, Cục trưởng cục Thuế tỉnh H ban hành Quyết định số 822/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N đã kết luận: *"Chi cục Thuế thành phố L ban hành văn bản số 77/CCT ngày 18/4/2018 và văn bản số 454/CCT ngày 10/12/2018 là đúng nội dung tại Quyết định 1499 ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H. Tuy nhiên theo hồ sơ, số liệu do người khiếu nại cung cấp thì việc Chi cục Thuế thành phố xác định số thuế nhà đất nộp thừa từ năm 2009 là chưa phù hợp. Trong quá trình quản lý thu thuế đối với hộ bà Sự, Chi cục Thuế thành phố L chưa kịp thời phối hợp với UBND phường Hai Bà Trưng hướng dẫn hộ bà Sự lập tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định diện tích thực tế gia đình bà Sự sử dụng có xác nhận của UBND phường tại Điều 1 của Quyết định 1499*

nêu trên làm căn cứ tính thuế và cũng chưa phát hành thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đến hộ bà Sự".

Căn cứ kết luận trên, tại Quyết định giải quyết khiếu nại 822 Cục thuế tỉnh H đã quyết định *"Giữ nguyên nội dung Văn bản số 454/CCT ngày 10/12/2018 của Chi cục Thuế thành phố L. Do có sự thay đổi về diện tích đất tính thuế đã được xác định tại Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H, Chi cục thuế thành phố L phối hợp với UBND phường Hai Bà Trưng hướng dẫn hộ bà Sự lập tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định để Chi cục Thuế làm căn cứ tính thuế và ban hành thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo đúng mẫu quy định tại Điều 17 Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp giao cho hộ bà Vũ Thị S thực hiện. Đồng thời căn cứ dữ liệu về quản lý thuế nhà, đất; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và biên lai, chứng từ của hộ bà Sự cung cấp xác định số thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp, đã nộp và thông báo cho bà Sự biết và thực hiện".*

Thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 822 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh H, Chi cục Thuế thành phố L đã ban hành văn bản số 61/CCT ngày 11/4/2019 xác định số tiền thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp, đã nộp của hộ bà Sự và đề nghị bà Sự lập tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trước ngày 19/4/2019. Tuy nhiên, hộ bà Sự không kê khai vào phần người nộp thuế tự khai nên ngày 16/9/2019, UBND phường Hai Bà Trưng đã xác nhận vào phần xác định của cơ quan chức năng trong tờ khai thuế. Ngày 24/7/2019, Chi cục Thuế thành phố L ban hành các Thông báo nộp thuế số 05, 06 thông báo cho hộ bà Sự về vị trí, diện tích, hạn mức chịu thuế của thửa đất.

Quan điểm của bà Sự, chị Nga: Gia đình bà Sự đã sinh sống tại thửa đất từ năm 1976 đến nay, không có tranh chấp, không có biến động về diện tích đất. Ngày 29/6/2012, UBND phường Hai Bà Trưng hướng dẫn hộ bà Sự kê khai vào tờ khai thuế đất phi nông nghiệp, hộ bà Sự đã kê khai đúng diện tích đất đang sử dụng là 115m^2 nhưng địa chính, Ủy ban nhân dân phường chỉ xác nhận diện tích 110m^2. Từ năm 2012 đến nay, Chi Cục thuế thành phố L không giao thông báo nộp thuế đất hàng năm cho hộ gia đình bà. Ngày 25/8/2016, tổ đo đạc thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Hai Bà Trưng cùng hộ bà Sự tiến hành đo đạc diện tích thửa đất và thực tế diện tích đất đang sử dụng là 114,4m^2 (gia đình bà Sự nhất trí với diện tích đất này và khẳng định từ năm 2012 đến nay thửa đất của hộ bà Sự là 114,4m^2, không có sự thay đổi về diện tích). Đến nay cơ quan có thẩm quyền chưa đưa ra được hồ sơ, căn cứ nào để khẳng định diện tích đất của hộ bà Sự là 94m^2 để làm căn cứ tính thuế nên việc Cục trưởng cục Thuế tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 822 là trái quy định pháp luật. Do vậy, ngày 08/4/2019, bà Sự, chị Nga làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên hủy Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S, chị Trần Thị N và buộc Chi cục thuế thành phố L tỉnh H giao thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm cho hộ bà Sự đúng với diện tích thửa đất hộ bà Sự đang sử dụng là 114,4m^2 (sau này người khởi kiện sửa đổi: Buộc Chi cục

thuế thành phố L tỉnh H giao thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm cho hộ bà Sự đúng với thông tin kê khai của người nộp thuế).

Quá trình giải quyết vụ án bà Sự, chị Nga bổ sung các yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án hủy những văn bản sau:

- Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S;

- Biên bản ngày 05/10/2016 về việc giao Quyết định 1499;

- Văn bản số 61/CCT ngày 11/4/2019 của Chi cục thuế thành phố L, tỉnh H;

- Thông báo nộp thuế số 05 và 06 cùng ngày 24/7/2019 của Chi cục Thuế thành phố L, tỉnh H.

- Tờ khai nộp thuế ngày 11/3/2007 của bà Vũ Thị S;

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 16/5/2019;

- Bản đồ năm 1989;

- Biên bản nhận ruộng đất ngày 27/02/1989;

- Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 08/5/1999;

- Bản đồ chỉnh lý năm 2001 phường Hai Bà Trung, thành phố L, tỉnh H.

- Danh sách biến động thuế nhà đất năm 2008;

- Văn bản số 3570/CT-KTNB ngày 27/9/2019 của Cục thuế tỉnh H;

- Văn bản số 39/UBND ngày 10/10/2019 của UBND phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H;

- Văn bản đề ngày 10/10/2019 của cán bộ địa chính phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H;

** Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh H:* UBND tỉnh H đã căn cứ các quy định của pháp luật ban hành Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Sự và Sở Tài nguyên và Môi trường đã lập biên bản ngày 05/10/2016 về giao giao Quyết định 1499 cho bà Sự là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, đơn khởi kiện của bà Sự, chị Nga yêu cầu hủy Quyết định 1499/QD-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S và Biên bản ngày 05/10/2016 về việc giao Quyết định 1499 không có cơ sở.

- *Quan điểm của Cục thuế tỉnh H:* Việc Cục trưởng cục Thuế tỉnh H ban hành Quyết định 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Sự, chị Nga không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H bác đơn khởi kiện của bà Sự và chị Nga.

- *Quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố L:* Căn cứ các quy định của pháp luật, hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến thửa đất của hộ bà Vũ Thị S, UBND thành phố L đã ban hành Quyết định 819/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 về việc giải quyết khiếu nại của bà Sự và chỉ công nhận phần diện tích 94m^2 là hợp pháp. Đối với Quyết định 1499 của Chủ tịch UBND tỉnh H đã có hiệu lực pháp luật, cần phải được tổ chức thực hiện. Do vậy, UBND thành phố L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N.

- *Quan điểm của Chi cục thuế khu vực PK và Chi Cục trưởng Chi cục Thuế PK:* Chi Cục thuế khu vực đã phối hợp với UBND phường Hai Bà Trưng điều chỉnh diện tích tính thuế của hộ bà Sự về 94m^2 và được tính từ năm 2008 theo đúng quy định tại Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S. Quá trình giải quyết khiếu nại và ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại đối với hộ bà Vũ Thị S đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Sự và chị Nga.

Quan điểm của UBND phường Hai Bà Trưng: Đối với sự việc liên quan đến thửa đất của hộ bà Vũ Thị S, UBND phường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định trong việc giải quyết với hộ bà Sự.

Quan điểm của ông Lê Văn L: Nhất trí với quan điểm của UBND phường Hai Bà Trưng. Bản thân đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của cán bộ địa chính đối với các vụ việc liên quan đến thửa đất của gia đình bà Vũ Thị S.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S là đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S, chị Trần Thị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021, Toà án nhân dân tỉnh H đã căn cứ Điều 6; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 38; Điều 115; Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 7, các Điều 27, 28, 29, 30, 36, 37, 38, 39; Điều 18, 20, 21 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N về việc đề nghị hủy: Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S, chị Trần Thị N; Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố L về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S; Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S; Biên bản ngày 05/10/2016 về việc giao Quyết định 1499; Văn bản số 61/CCT ngày 11/4/2019 của Chi thuế thành phố L, tỉnh H; Thông báo nộp thuế số 05, 06 cùng ngày 24/7/2019 của Chi cục trưởng chi cục Thuế khu vực PK; Tờ khai nộp thuế ngày 11/3/2007 của bà Vũ Thị S; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 16/5/2019; Bản đồ năm 1989; Biên bản nhận ruộng đất ngày 27/02/1989; Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 08/5/1999; Bản đồ chỉnh lý năm 2001 phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H; Danh sách biến động thuế nhà đất năm 2008; Văn bản số 3570/CT-KTNB ngày 27/9/2019 của Cục thuế tỉnh H; Văn bản số 39/UBND ngày 10/10/2019 của UBND phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H; Văn bản đề ngày 10/10/2019 của cán bộ địa chính phường Hai Bà Trưng, thành phố L, tỉnh H và yêu cầu buộc Chi cục thuế thành phố L tỉnh H giao thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm cho hộ bà Sự đúng với thông tin kê khai của người nộp thuế.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí giám định và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2021, người khởi kiện là bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy những văn bản sau: Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh H; Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố L về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S; Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S và Thông báo nộp thuế diện tích 94m^2 đất trái pháp luật; Thông báo nộp thuế số 05, 06 cùng ngày 24/7/2019 của Chi cục trưởng chi cục Thuế khu vực PK; buộc Chi cục thuế khu vực PK gửi thông báo nộp thuế diện tích đúng với thông tin tờ khai thuế ngày 29/6/2012 bà Vũ Thị S kê khai ký nhận.

Những Quyết định và văn bản nêu trên được ban hành không đúng với thực tế sử dụng đất và nộp thuế sử dụng đất của gia đình nhà bà. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định rõ căn cứ vào đâu để xác định hộ nhà bà kê khai đóng thuế đất phi nông nghiệp là 94m^2, trong khi đó diện tích đo thực tế lớn hơn và đất tích đất hiện nay gia đình bà đang sử dụng được nhận chuyển nhượng hợp pháp từ năm 1976 với diện tích 115m^2 đất ở, không thay đổi về diện tích và không tranh chấp với ai. Thực tế hộ nhà bà đã nộp thuế sử dụng đất lớn hơn 94m^2 từ những năm

trước đây. Đề nghị Cơ quan thuế giao cho hộ bà Sự Thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm theo đúng diện tích đang sử dụng là 114,4m^2.

- Những người bị kiện và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không gửi ý kiến, quan điểm nào khác so với phiên tòa sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 đối với hộ bà Sự là đúng quy định của pháp luật và đúng về hình thức và nội dung và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Do đó, người khởi kiện đề nghị hủy quyết định nêu trên, nhưng không có căn cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm, do đó kháng cáo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng phía người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng; thu thập, xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Vũ Thị S, chị Trần Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại khởi kiện ngày 08/4/2019, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng cục Thuế

tỉnh H (về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S, chị Trần Thị N lần hai) và buộc Chi cục Thuế thành phố L giao thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm cho hộ bà Sự đúng với diện tích thửa đất hộ bà Sự đang sử dụng là 114,4m^2 (đã được người khởi kiện sửa đổi: Buộc Chi cục thuế giao thông báo nộp thuế đúng với thông tin kê khai của người nộp thuế).

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Sự và chị Nga có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các văn bản:

- Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H và Biên bản ngày 05/10/2016 về việc giao Quyết định 1499/QĐ-UBND;

- Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch UBND thành phố L.

- Các Văn bản: số 61/CCT ngày 11/4/2019 của Chi cục thuế thành phố L; Văn bản số 3570/CT-KTNB ngày 27/9/2019 của Cục thuế tỉnh H; số 39/UBND ngày 10/10/2019 của UBND phường Hai Bà Trưng; Văn bản đề ngày 10/10/2019 của cán bộ địa chính phường Hai Bà Trưng gửi Tòa án tỉnh H; Danh sách biến động thuế đất năm 2018; Tờ khai nộp thuế ngày 11/3/2007 của bà Vũ Thị S; Thông báo nộp thuế số 05, 06 cùng ngày 24/7/2019 của Chi cục thuế thành phố L, tỉnh H; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 16/5/2019; Bản đồ năm 1989; Biên bản nhận ruộng đất ngày 27/02/1989; Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 08/5/1999; Bản đồ chỉnh lý năm 2001 phường Hai Bà Trưng, thành phố L.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu là có căn cứ. Tuy nhiên, về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng là Chủ tịch UBND thành phố L là chưa phù hợp, nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định tư cách Chủ tịch UBND thành phố L lại cho phù hợp với pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Sự và chị Nga.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, những người này đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành hính xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của bà Sự và chị Nga thì thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N về hủy Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Cục trưởng Cục thuế tỉnh H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng quy định tại Điều 20 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung:

Từ năm 2013 đến 2017, bà Sự và chị Nga liên tục khiếu nại tới UBND các cấp cho rằng gia đình mua và sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ năm 1989) từ năm 1976 diện tích 115m^2 ở ổn định đến nay không có tranh chấp nhưng UBND phường Hai Bà Trưng chỉ công nhận 94m^2 là không đúng với biên bản nhận ruộng đất năm 1989 và hiện trạng sử dụng đất của gia đình. Đề nghị cấp GCNQSD đất đủ diện tích 115m^2 theo như thông báo nộp thuế mà gia đình đã nộp từ trước đến nay.

Ngày 30/9/2016, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Sự với nội dung kết luận: "*... chỉ công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ ở cho gia đình bà với diện tích 94m^2... giao UBND thành phố L chỉ đạo Chi cục thuế Phủ Lý và UBND phường Hai Bà Trưng xem xét hoàn trả tiền cho bà Sự phần thu thuế nhà đất vượt quá diện tích 94m^2 theo quy định pháp luật"*. Sau khi nhận Quyết định này, bà Sự không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nên Quyết định số 1499/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh có hiệu lực thi hành.

Thực hiện quyết định trên, ngày 10/12/2018 Chi cục Thuế thành phố L có Văn bản số 454/CCT hướng dẫn bà Sự làm thủ tục hoàn số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nộp thừa hoặc bù trừ số thuế nộp thừa cho năm tiếp theo.

Không nhất trí với việc kê khai nộp thuế đất phi nông nghiệp diện tích 94m^2 và Văn bản 454/CCT của Chi cục Thuế thành phố L, bà Sự khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiêu nại (lần đầu) số 47/QĐ-CCT ngày 18/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố L và Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H đều không chấp nhận khiếu nại của bà Sự và chị Nga. Bà Sự và chị Nga yêu cầu hủy Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H và buộc Chi cục Thuế thành phố L giao thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm cho hộ bà Sự đúng với thông tin kê khai của người nộp thuế.

Xét thấy, quá trình giải quyết khiếu nại của hộ bà Sự tại UBND các cấp, cũng như khi giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án, bà Sự và chị Nga không đưa ra được căn cứ chứng minh giấy tờ mua bán 115m^2 đất, mà chỉ cung cấp được các biên lai thu thuế nhà đất từ năm 2008- 2017 (trong đó trên các biên lai từ 2008- 2011 thể hiện diện tích thu thuế là 115m^2), kết hợp với hiện trạng hộ bà Sự sử dụng phần diện tích lưu không (vỉa hè) nên bà Sự cho rằng phải cấp giấy chứng nhận và thu thuế đất là 115m^2. Ý kiến này của hộ bà Sự là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Theo quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 thì các biên lai thu thuế nhà đất do hộ bà Sự xuất trình không phải là căn cứ để cấp GCNQSD đất. Trong khi đó, theo cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cung cấp thể hiện: Bản đồ địa chính và Sổ mục kê năm 1989 thể hiện thửa số 183 ghi tên "Sự", diện tích 94m^2 đất thổ; Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất của hộ bà Sự năm 1999 thể hiện thửa đất có diện tích 89,1m^2 (có chữ ký của bà Sự, chị Nga yêu cầu giám định chữ ký của bà Sự tại biên bản này, nhưng không đủ cơ sở kết luận đó không phải là bà Sự ký); Bản đồ chỉnh lý năm 2001

của phường Hai Bà Trưng thể hiện thửa đất số 30, diện tích 89,1m^2 đất ở; Bản trích đo hiện trạng giải quyết khiếu nại của hộ bà Sự (kèm theo Quyết định 1499 của Chủ tịch UBND tỉnh) thể hiện diện tích 94m^2; Biên Bản nhận ruộng đất ngày 27/2/1989 của xã Liêm Chính, thị xã Hà Nam ghi nhận bà Sự quản lý, sử dụng diện tích là 94m^2 (không có chữ ký của hộ bà Sự).

Căn cứ vào hồ sơ địa chính, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1499/QĐ-UBND chỉ công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ ở cho gia đình bà Sự diện tích 94m^2, đồng thời giao UBND thành phố L chỉ đạo Chi cục thuế Phủ Lý và UBND phường Hai Bà Trưng xem xét hoàn trả tiền cho bà Sự phần thu thuế nhà đất vượt quá diện tích 94m^2 theo quy định pháp luật là có cơ sở. Chi cục thuế thành phố L căn cứ vào Quyết định số 1499 của Chủ tịch UBND tỉnh để hướng dẫn bà Sự làm thủ tục hoàn số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nộp thừa hoặc bù trừ số thuế nộp thừa cho năm tiếp theo là đúng. Do đó, tại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 47/QĐ-CCT ngày 18/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố L và Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh H đều không chấp nhận khiếu nại của bà Sự và chị Nga là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Sự, chị Nga về việc "hủy Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh H và buộc Chi cục thuế khu vực Phủ Lý- Kim Bảng giao thông báo nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm cho hộ bà Sự đúng với diện tích đất 115m^2" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà Sự và chị Nga kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với nội dung nêu trên nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà Sự, chị Nga về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch UBND thành phố L, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh H và Thông báo nộp thuế diện tích 94m^2 đất trái pháp luật, xét thấy:

[2.2.1] Các quyết định hành chính trên có liên quan trực tiếp đến quyết định hành chính bị kiện số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh H nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét tính hợp pháp của các Quyết định trên là đúng quy định tại Điều 6 và Điều 38 của Luật tố tụng hành chính.

[2.2.2] Về tính hợp pháp của các Quyết định hành chính số 819/QĐ-UBND và số 1499/QĐ-UBND:

(1) Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: UBND thành phố L và UBND tỉnh H đã thực hiện việc giải quyết khiếu nại đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 18, 21 27, 28, 29, 30, 36, 37, 38, 39 của Luật khiếu nại năm 2011.

(2) Về nội dung:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc thửa đất hiện nay hộ gia đình bà Sự sử dụng theo bản đồ xã Liêm Chính đo đạc năm 1989 thì diện tích đất là 94m^2 đất thổ cư tại thửa số 183, tờ bản đồ 15 mang tên bà Sự. Theo biên bản nhận ruộng đất ngày 27/02/1989 diện tích đất là 94m^2 đất ở. Theo bản đồ xã Liêm Chính đo đạc hiện trạng năm 1999 diện tích là 89,lm^2 đất thổ cư tại thửa số 30, tờ bản đồ 10 mang tên bà Sự. Do điều chỉnh địa giới thị xã Phủ Lý nên từ năm 2000 thửa đất của hộ bà Sự thuộc phường Hai Bà Trưng - Phủ Lý quản lý nên theo bản đồ phường Hai Bà Trưng chỉnh lý năm 2001 diện tích là 89,1 m^2 đất thổ cư tại thửa số 30, tờ bản đồ 10 mang tên bà Sự. Theo kết quả kiểm tra hiện trạng ngày 05/4/2013 (tại biên bản kiểm tra thực địa và sơ đồ kèm theo) hiện trạng thửa đất hộ bà Sự với diện tích xây dựng công trình nhà ở trên đất là 89,59m^2 (theo tường nhà). Quá trình xác minh đơn khiếu nại của bà Sự đã tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Sự, kết quả: đất đã xây dựng công trình nhà ở là 91,2m^2 (chưa tính phần diện tích ô văng phía trước nhà, chỉ tính phần móng nhà phía đông giáp ngõ đi); đất từ tường nhà đến đường Nguyễn Viết Xuân là 23,2m^2 (hiện trạng có lán tạm trụ cột bằng luồng, mái lợp proximăng và phần ô văng phía trước nhà). Từ những phân tích trên, xét thấy: Từ năm 1989 hộ gia đình bà Sự đã sử dụng thửa đất với diện tích 94m^2 đất ở; thực tế gia đinh bà đã xây dựng công trình nhà ở và sử dụng trên diện tích 94m^2. Hộ bà Sự không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu đề nghị UBND thành phố L, UBND tỉnh H công nhận quyền sử dụng đất là 113,9m^2 đất ở cho gia đình bà. Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 và Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định 1499/QĐ-ƯBND ngày 30/9/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của hộ bà Vũ Thị S đảm bảo đúng quy định về hình thức, trình tự, thẩm quyền, nội dung theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu hủy các văn bản: Thông báo nộp thuế số 05, 06 cùng ngày 24/7/2019 của Chi cục trưởng chi cục Thuế khu vực PK; buộc Chi cục thuế khu vực PK gửi thông báo nộp thuế diện tích đúng với thông tin tờ khai thuế ngày 29/6/2012 bà Vũ Thị S kê khai ký nhận.

Xét thấy: Theo kết quả phân tích ở trên đã xác định Quyết định số 822/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh H là đúng quy định pháp luật nên Chi cục Thuế khu vực PK đã ban hành Văn bản số 61/CCT ngày 11/4/2019 để khắc phục và xác định số tiền thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp, đã nộp của hộ bà Sự và đề nghị bà Sự lập tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trước ngày 19/4/2019. Tuy nhiên hộ bà Sự không kê khai vào phần người nộp thuế tự khai nên ngày 16/9/2019, UBND phường Hai Bà Trưng đã xác nhận vào phần xác định của cơ quan chức năng ở mặt sau tờ khai thuế. Ngày 24/7/2019, Chi cục Thuế thành phố L ban hành các Thông báo nộp thuế số 05, 06 thông báo cho hộ bà Sự về vị trí, diện tích, hạn mức chịu thuế của thửa đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi cục Thuế lập các Thông báo nộp thuế nêu trên đảm bảo đúng quy định tại Điều 17 Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho hộ bà Vũ Thị

S nên đã quyết định bác yêu cầu của bà Sự và chị Nga yêu cầu hủy các văn bản trên, đồng thời không chấp nhận yêu cầu của bà Sự và chị Nga về việc buộc Chi cục thuế khu vực PK gửi thông báo nộp thuế diện tích đúng với thông tin tờ khai thuế của bà Vũ Thị S ngày 29/6/2012 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với các văn bản bà Sự và chị Nga cho là giả mạo, không có giá trị pháp lý: Quá trình tố tụng, bà Sự và chị Nga không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh có sự gian dối, giả mạo, không có giá trị pháp lý nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính về nghĩa vụ chứng minh của các đương sự. Ngoài ra, trong số các văn bản hành chính bà Sự và chị Nga yêu cầu hủy có một số văn bản hành chính liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương, không mang tính chất cá biệt để giải quyết một vấn đề cụ thể (không phát sinh hiệu lực pháp luật buộc đương sự phải thực hiện) trong đó có hộ bà Sự và ý kiến trình bày của đương sự theo yêu cầu của Tòa án phục vụ cho việc giải quyết vụ án; bà Sự và chị Nga không đưa ra được căn cứ chứng minh những văn bản này là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy các văn bản này là đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Bà Sự và chị Nga kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nội dung kháng cáo là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bà Sự và chị Nga phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Sự sinh năm 1934, nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà Sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Vũ Thị S không phải nộp. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba

trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005755 ngày 30/6/2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hưng